TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2019
"*V/v: Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Viết Oanh
- Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1069/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 09/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Bà Phạm Thị L – sinh năm 1993
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X, xã CE, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Tạm trú: Y, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**** Bị đơn***: Ông Trần Quang D - sinh năm 1989
Địa chỉ: X, xã CE, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:***

Tôi và ông Trần Quang D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SL, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình chung sống với nhau từ năm 2013 đến năm 2017 vợ chồng chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi không sinh con được, chồng thường xuyên đi nhậu về đánh đập đuổi tôi ra khỏi nhà, xúc phạm tôi.

Hiện nay vợ chồng tôi không sống chung với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng hiện nay không hàn gắn được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông D.

Về con chung: Tôi và ông D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Quang D đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần, tuy nhiên ông không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy lời khai của ông D được và không tiến hành phiên hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Quang D, có địa chỉ tại thành phố B, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Quang D. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Trần Quang D tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ năm 2013 đến nay, hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lành, ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Trần Quang D

[2] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lại thu số AA/2017/0011583 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND xã SL;
- UBND xã CE;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự